

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/HS-ST

Ngày: 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh

Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 126/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T (TM), sinh năm 1978, tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Z, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị Đ; Có vợ là Phạm Thị P, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: Bị xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 65/QĐ-XPVPHC, ngày 23/4/2019 của UBND Phường C, thành phố C (đã nộp phạt ngày 07/6/2019); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Mai Hồng T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số Z, Đ, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người tham gia tố tụng khác:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ Z, khóm T, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Là người làm chứng.

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Tổ Z, khóm T, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người làm chứng.

Người giám hộ của Nguyễn Văn H1: Lê Thị Bích D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh H có mặt, H1, chị D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T đã bị xử phạt hành chính số tiền 2.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản theo quyết định số 65/QĐ-XPVPHC ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. T đã nộp phạt vào ngày 07/6/2019.

Vào khoảng 9 giờ, một ngày trong tháng 6/2019, Nguyễn Văn T đến vườn cây của ông Mai Hồng T, sinh năm 1956, ngụ tổ Z, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, thấy cửa rào đóng, có gài chốt nhưng không khóa, T không thấy ai nên lén lút mở cửa đi vào thấy có 01 xe đẩy, thùng nhựa màu xanh, khung kim loại màu bạc, để ở gốc cây gừa (*loại xe rùa, 01 bánh bằng cao su có in chữ SYM 100/90-10*), T lấy xe đem về nhà sử dụng và sơn lại khung kim loại thành màu đen. Sử dụng khoảng 15 ngày thì T thỏa thuận bán cho anh Nguyễn Văn H sinh năm 1980, ngụ Tổ Z, khóm M, Phường C, thành phố C chiếc xe đẩy với giá 180.000 đồng, sau đó T kêu Nguyễn Văn H1, sinh năm 2004, ngụ Tổ Z, khóm M, Phường C, thành phố C lấy xe đẩy giao cho anh H. Ngày 14/8/2019, anh H tự nguyện giao nộp xe đẩy đã mua của T cho Công an Phường C.

Theo Kết luận định giá tài sản số 148/KL-KTHS ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Lãnh kết luận: 01 xe đẩy (*loại xe rùa*) màu xanh đen, có 01 bánh hơi làm bằng cao su, in chữ SYM 100/90-10 đã qua sử dụng, có giá 200.000 đồng.

Ngày 25/10/2019 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Cao Lãnh đã trả lại xe đẩy (*loại xe rùa*) cho ông Mai Hồng T, ông T nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì khác và làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn T.

Đối với anh Nguyễn Văn H có hành vi mua xe đẩy của T, nhưng do anh H không biết xe đó do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý. Hiện nay, anh H nhận được tiền do T bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

Đối với anh Nguyễn Văn H1 có hành vi giúp T đem xe giao cho anh H, được T cho 20.000 đồng. Khi T nhờ H1 đến nhà lấy xe thì H1 không biết xe trên do T trộm mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp. Hiện nay, T không yêu cầu H1 trả lại số tiền đã cho.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 123/CT-VKSND-TPCL ngày 07/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như Cáo Trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án tù 03 tháng đến 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và người làm chứng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của những người này đã có trong hồ sơ vụ án nên căn cứ vào Điều 292, 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu

thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn T vào ngày 23/4/2019 đã bị Công an Phường C, thành phố C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể vào khoảng 9 giờ, của một ngày trong tháng 6/2019 tại Tổ Z, khóm M, Phường C, thành phố C, T lấy trộm của ông Mai Hồng T 01 xe đẩy (loại xe rùa) màu xanh đen, có 01 bánh hơi làm bằng cao su. T đem về sơn lại để sử dụng, sau 15 ngày thì T đem bán chiếc xe đẩy cho anh Nguyễn Văn H với giá 180.000đ. Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì trị giá chiếc xe đẩy là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự cho bị cáo và có ông nội là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nên nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời, cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Do bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xét xử bị cáo với mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPC;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPC;
- CQTHAHS Công an TPC;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo